TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 438/2025/QĐST-HNGĐ	*Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 361; khoản 4, Điều 396 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Bùi Đức N, sinh năm: 1979;

Số căn cước công dân: 079079013013 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/3/2021.

Địa chỉ: 58 Hồ Thành B, phường Chánh H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1983;

Số căn cước công dân: 079183004962 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/5/2023.

Địa chỉ: 58 Hồ Thành B, phường Chánh H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2009 do Ủy ban nhân dân phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường 4, Quận 8 cũ) cấp ngày 19/05/2009, thì quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T là hợp pháp.

[2] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025, ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất thỏa thuận:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn.

[2.2] Về con chung: Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất xác nhận có 02 (hai) con chung là Bùi Ngọc Kim N, sinh ngày: 23/05/2010, giới tính: Nữ, và Bùi

Đức N, sinh ngày: 04/01/2012, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn, ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất giao hai con chung Kim N và Đức N cho bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Đức N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*)/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 (*năm*) dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 05/9/2025 cho đến khi chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Trường hợp ông Bùi Đức N không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Ngọc T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Bùi Đức N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Đức N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Bùi Đức N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Về tài sản chung: Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.6] Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.7] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T cùng chịu.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2009 do Ủy ban nhân dân phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh (Phường 4, Quận 8 cũ) cấp ngày 19/05/2009 cho ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T có 02 (hai) con chung là Bùi Ngọc Kim N, sinh ngày: 23/05/2010, giới tính: Nữ, và Bùi Đức N, sinh ngày: 04/01/2012, giới tính: Nam.

Sau khi ly hôn, ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất giao hai con chung Kim N và Đức N cho bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Đức N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*)/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 (*năm*) dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 05/9/2025 cho đến khi chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp ông Bùi Đức N không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Ngọc T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Bùi Đức N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Đức N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Bùi Đức N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ chung khác về tài sản: Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T cùng chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007948 ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Đức N và bà Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – TP. Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự (15).

THẨM PHÁN

Vũ Thị Trang

2AAKKBT*εεδχαφ+